



guān jīn

纶巾

noun · silk scarf or headdress

Example Sentence

Tā dài zhe yī dǐng guān jīn kàn qǐ lái hěn yǒu gǔ fēng.
他戴着一顶 纶巾，看起来很有古风。

He wears a silk headdress and looks very classical.

Trace each character, then write the word on your own.

纶	纶	纶	纶	纶	纶	纶	纶	纶	纶
巾	巾	巾	巾	巾	巾				